TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 20/4/2022.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé Em.

2. Bà Trần Lệ Nga.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham dự phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 26/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH MTV – Ngân hàng VN Thịnh Vượng (VPB FC).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Minh K. Chức vụ: Trưởng Bộ phận Tố tụng – Phòng quản lý thu hồi nợ Ngoại bảng bên thứ ba - Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2021).

Trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà Ree, số 9, B V B, phường 12, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1991; Địa chỉ: F2-73, đường N T S, KDC P A, phường P T, Quận C R, TP. Cần Thơ. (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2021). (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Bích P, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: Số 572/9/7/5A, đường N T T, phường V L, TP. R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án Dân sự ngày 27/11/2019, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa ông Phạm Văn Th – Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH MTV – Ngân hàng VN Thịnh Vượng (gọi tắt là Công ty Tài Chính) trình bày:

Vào ngày 05/3/2018, bà Trần Thị Bích P có vay của Công ty Tài chính số tiền gốc là 51.484.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 4,75%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, theo hợp đồng tín dụng số 20180301-0011026. Theo hợp đồng bà P có trách nhiệm thanh toán tổng cộng số tiền gốc và lãi là 108.392.074 đồng, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng. 35 tháng đầu mỗi tháng trả 3.013.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.937.074 đồng. Bắt đầu trả ngày 05/4/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà P đã trả cho Công ty Tài chính số tiền tổng cộng là 18.155.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.836.950 đồng, tiền lãi là 14.319.050 đồng. Tính đến ngày 06/5/2020, bà P còn nợ Công ty Tài chính số tiền gốc và lãi là 90.237.074 đồng, trong đó tiền gốc là 47.648.050 đồng, tiền lãi là 42.589.024 đồng. Số nợ nêu trên đã quá hạn, nhiều lần Công ty yêu cầu nhưng bà P chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Do đó, Công ty khởi kiện đến Tòa án thành phố R G.

Tại phiên tòa ông Phạm Văn Th yêu cầu: Yêu cầu bà P phải thanh toán cho Công ty Tài chính toàn bộ số tiền gốc và lãi 90.237.074 đồng, trong đó tiền gốc là 47.648.050 đồng, tiền lãi là 42.589.024 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác. Phía Công ty Tài chính chỉ yêu cầu cá nhân bà P phải trả nợ mà không yêu cầu người nào khác cùng trả.

** Bị đơn bà Trần Thị Bích P vắng mặt. Tại Biên bản về Kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/6/2020, ngày 15/6/2020 bà P có ý kiến xác nhận*: Vào ngày 05/3/2018 bà Trần Thị Bích P có vay của Công ty Tài chính số tiền gốc là 51.484.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 4,75%/tháng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân theo hợp đồng tín dụng số 20180301-0011026. Theo hợp đồng bà P có trách nhiệm thanh toán số tiền 108.392.074 đồng (bao gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng. 35 tháng đầu mỗi tháng trả 3.013.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.937.074 đồng. Bắt đầu trả ngày 05/4/2018. bà P đã trả

cho Công ty Tài chính số tiền tổng cộng là 18.155.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.836.950 đồng, tiền lãi là 14.319.050 đồng.

Tính đến ngày 06/5/2020 bà P còn nợ Công ty Tài chính số tiền gốc và lãi là 90.237.074 đồng, trong đó tiền gốc là 47.648.050 đồng, tiền lãi là 42.589.024 đồng. Tuy nhiên, do hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không còn khả năng trả nợ cho Công ty.

- *Quá trình tố tụng bà P yêu cầu*: bà P cho rằng mức lãi suất 4,75%/tháng mà phía Công ty Tài chính cho bà P vay là quá cao. Đề nghị xác định mức lãi suất theo quy định của pháp luật và tính lại tiền lãi mà bà P đã đóng cho Công ty.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử: ngày 10/02/2020 Tòa án thụ lý vụ án. Đến ngày 26/3/2021 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là chưa đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa sơ thẩm được quy định tại Chương XIV của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn vẫn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019; Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính về việc yêu cầu bà P thanh toán số tiền 90.237.074 đồng, trong đó tiền gốc là 47.648.050 đồng, tiền lãi là 42.589.024 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn bà Trần Thị Bích P vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ

vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Bích P.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty Tài chính yêu cầu bị đơn bà P phải trả số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 20180301-0011026 ngày 05/3/2018. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp giữa các bên được xác định là: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn bà P có địa chỉ cư trú tại: Số 572/9/7/5A, đường N T T, phường V L, TP. R G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về phạm vi khởi kiện: Nguyên đơn Công ty Tài chính khởi kiện yêu cầu bà P phải trả số tiền vay tổng cộng gốc và lãi là 90.237.074 đồng, trong đó tiền gốc là 47.648.050 đồng, tiền lãi là 42.589.024 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính yêu cầu bà P phải trả số tiền vay gốc và lãi 90.237.074 đồng, trong đó tiền gốc là 47.648.050 đồng, tiền lãi là 42.589.024 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, việc bà P vay tiền của Công ty Tài chính được các bên xác lập bằng hợp đồng tín dụng số 20180301-0011026 ngày 05/3/2018, hợp đồng thể hiện rõ số tiền vay, mục đích vay, mức lãi suất, phương thức, thời gian thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên. Các điều khoản thỏa thuận được ghi nhận trong hợp đồng là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật dân sự về hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số: 20180301-0011026 ngày 05/3/2018 do bà P đã vi phạm nghĩa vụ là không trả nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo thỏa thuận nên Công ty Tài chính đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn là đúng nội dung trong hợp đồng và Công ty Tài chính khởi kiện yêu cầu bà P trả nợ là đúng quy định Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. bà P đã nhận được tiền thì phải có nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị Bích P phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty Tài Chính tổng cộng số tiền gốc và lãi: 90.237.074 đồng, trong đó tiền gốc là 47.648.050 đồng, tiền lãi là 42.589.024 đồng là hoàn toàn phù hợp.

- Về mức lãi suất: bà P cho rằng mức lãi suất 4,75%/tháng mà phía Công ty Tài chính cho bà P vay là quá cao. Đề nghị xác định mức lãi suất theo quy định của pháp luật và tính lại tiền lãi mà bà P đã đóng. Xét thấy, với mức lãi xuất 4,75%/tháng (tương đương 57,79%/năm) mà Công ty Tài chính cho bà P vay với mục đích tiêu dùng cá nhân. Tại Công văn số 281/KGI-TTGSNH ngày 20/7/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Kiên Giang có ý kiến: *"Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1,2 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 thì Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng"*. Như vậy, mức lãi suất cho vay giữa bà P và Công ty Tài chính sẽ do các bên thỏa thuận và Công ty Tài chính sẽ được tự ấn định mức lãi suất cho vay riêng. Do đó, mức lãi suất 4,75%/tháng (tương đương 57,79%/năm) mà Công ty Tài chính cho bà P vay với mục đích tiêu dùng cá nhân là không vi phạm và được Ngân hàng Nhà nước cho phép áp dụng. Vì vậy, yêu cầu xác định lại mức lãi suất và tính lại tiền lãi mà bà P đã đóng là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ bà P phải chịu án phí trên số tiền nợ phải trả cho Công ty Tài chính là 90.237.074 đồng, được tính như sau: 90.237.074đ x 5% = 4.511.853 đồng. Như vậy, bà P phải nộp án phí số tiền là 4.511.853đ (Bốn triệu năm trăm mười một ngàn tám trăm năm mươi ba đồng).

+ Hoàn trả lại Công ty Tài chính tiền tạm ứng án phí 2.256.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001585, ngày 21/12/2019 của chi cục thi hành án dân sự Thành phố R G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 116, Điều 117, Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 12, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Áp dụng Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH MTV – Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng đối với bị đơn bà Trần Thị Bích P, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

2. Buộc bà Trần Thị Bích P phải trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV – Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng số tiền vay gốc và lãi là: 90.237.074đ (Chín mươi triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn không trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó tiền gốc là 47.648.050 đồng, tiền lãi là 42.589.024 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn bà Trần Thị Bích P phải nộp án phí số tiền là 4.511.853đ (Bốn triệu năm trăm mười một ngàn tám trăm năm mươi ba đồng).

+ Hoàn trả lại Công ty Tài chính TNHH MTV – Ngân hàng VN Thịnh Vượng tiền tạm ứng án phí 2.256.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001585, ngày 21/12/2019 của chi cục thi hành án dân sự Thành phố R G.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Nghĩa